

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

*“V/v tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HƯNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nga

2. Ông Đào Văn Khanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 216/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2026/QĐXX-ST ngày 30 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2026/QĐ-HPT ngày 16/4/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Hưng Yên.

Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở hiện nay: Thôn M, xã N, tỉnh Hưng Yên.

Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 22/5/2015;

Cháu Nguyễn Quang A, sinh ngày 28/4/2017;

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Hưng Yên.

Đều vắng mặt.

Người làm chứng:

Bà Đặng Thị H, sinh năm 1960
Địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Hưng Yên.
Ông Nguyễn Duy H1, sinh năm 1977
Địa chỉ: Thôn M, xã N, tỉnh Hưng Yên.
Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2025, biên bản lấy lời khai ngày 20/01/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N kết hôn vào ngày 15/11/2014, anh chị lấy nhau hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên (nay là UBND xã L, tỉnh Hưng Yên).

Sau ngày cưới chị N về ngay gia đình nhà anh làm ăn chung sống. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc thương yêu nhau. Trong quá trình chung sống năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, chị N đi làm về không quan tâm đến chồng con, anh có khuyên bảo nhiều lần chị N không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, đến tháng 01 năm 2022 chị N về gia đình nhà bố mẹ đẻ chị ở, anh có gọi chị N về nhiều lần nhưng chị N không về, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 22/5/2015 và cháu Nguyễn Quang A, sinh ngày 28/4/2017. Hiện nay cả hai cháu đang sống cùng anh. Nếu ly hôn anh xin nuôi cả hai cháu, tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản, về nợ, về ruộng nông nghiệp, về công sức: Anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng N vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo phiên họp, hòa giải, nhưng chị đều vắng mặt. Do chị N vắng mặt, nên Tòa án không lấy được lời khai của chị.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 3 năm 2026 của cháu L và cháu Quang A:

Cháu Nguyễn Khánh L trình bày: Nguyên nhân bố cháu làm đơn ly hôn mẹ cháu là do trong quá trình chung sống bố mẹ cháu có nhiều mâu thuẫn, hiện nay mẹ cháu bỏ đi không ở cùng bố cháu nữa, từ lâu mẹ cháu không gọi điện hay về thăm hai chị em cháu. Tết năm 2026, mẹ cháu mua quần áo tết cho hai chị em cháu, do mẹ cháu bỏ đi đã lâu nên cháu cũng không nhớ mẹ. Hiện nay cháu đang

sinh sống cùng bố cháu và học tập tại lớp 5B Trường tiểu học C1. Nếu bố mẹ cháu ly hôn nhau, cháu xin ở với bố.

Cháu Nguyễn Quang A trình bày: Nguyên nhân bố cháu làm đơn ly hôn mẹ cháu là do bố mẹ cháu có mâu thuẫn, hiện nay mẹ cháu không ở cùng bố cháu. Nếu bố mẹ cháu ly hôn nhau cháu xin ở với bố vì cháu đang sống cùng bố cháu và cháu học tại lớp 3C Trường tiểu học C1.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 29/01/2026, ông Nguyễn Duy H1 (bố đẻ của chị N) trình bày: Ông là bố đẻ của chị N. Chị N là con gái ông, chị N và anh C kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên (Nay là UBND xã L, tỉnh Hưng Yên) vào năm 2014. Sau ngày cưới chị N về ngay gia đình nhà anh C làm ăn chung sống. Trong quá trình chung sống, anh C mãi chơi không chịu làm ăn. Chị N cũng như vợ chồng ông khuyên bảo nhiều lần nhưng anh C không thay đổi, mâu thuẫn của anh chị ngày càng căng thẳng và chị N đã về gia đình nhà ông ở từ năm 2022 cho đến nay và anh chị cũng sống ly thân nhau từ đó. Nay anh C làm đơn xin ly hôn chị N, việc này tùy anh chị quyết định.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung, cả hai cháu đang ở cùng anh C nhưng chị N vẫn có trách nhiệm với hai cháu. Nếu anh chị ly hôn ông cũng không có ý kiến gì, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 18/3/2026, bà Đặng Thị H (là mẹ đẻ của anh C) trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh C. Năm 2014 bà xây dựng gia đình cho anh chị, anh chị lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên (Nay là UBND xã L, tỉnh Hưng Yên).

Sau ngày cưới chị N về ngay gia đình nhà bà làm ăn chung sống. Trong quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị N không quan tâm đến chồng con, anh chị thường xuyên xảy ra xô xát cãi nhau, thỉnh thoảng chị N bỏ nhà đi nửa tháng lại về, bà có khuyên bảo chị N nhưng chị N bảo không về và đi khỏi nhà bà từ năm 2022 cho đến nay, anh C có gọi về mấy lần nhưng chị N nhất quyết không về, vợ chồng anh chị sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay anh C xét thấy không thể chung sống cùng chị N, anh làm đơn xin ly hôn chị N, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh C cho anh được ly hôn chị N.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 22/5/2015 và cháu Nguyễn Quang A, sinh ngày 28/4/2017. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh C. Nếu anh chị ly hôn bà đề nghị Tòa giao cả hai cháu cho anh C nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành.

Biên bản xác minh ngày 18/3/2026 tại trường tiểu học C1 thể hiện: Cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 22/5/2015 đang học tập tại lớp 5B và cháu Nguyễn Quang A, sinh ngày 28/4/2017 đang học tập tại lớp 3C, Trường tiểu học C1. Trong quá trình học tập của các cháu, mọi khoản đóng góp theo quy định đều do bố các cháu đóng góp cho các cháu.

Biên bản xác minh ngày 17/3/2026 tại Ủy ban nhân dân xã L thể hiện: Anh C và chị N kết hôn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên (Nay là UBND xã L, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 15/11/2014. Thời gian chung sống, hai anh chị có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra xô xát cãi nhau, mâu thuẫn căng thẳng từ năm 2019 đến tháng 01 năm 2022 chị N về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ đó cho đến nay, anh chị sống ly thân nhau từ đó. Nay anh C làm đơn xin ly hôn chị N, ủy ban nhân dân xã đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh C từ khi chị nhung bỏ đi. Nếu anh chị ly hôn nhau địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về nợ chung, tài sản chung của anh chị địa phương không nắm được.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải. Do bị đơn chị N vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải được, phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện VKSND khu vực 4 – Hưng Yên phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành nghiêm chỉnh và thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không có ý kiến bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt tại phiên họp, phiên tòa không có lý do là chưa chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện, cho anh Nguyễn Văn C ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng N.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 22/5/2015 và cháu Nguyễn Quang A, sinh ngày 28/4/2017 cho anh C nuôi dưỡng cho đến khi các

cháu thành niên đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Về tài sản chung vợ chồng, về nợ, về ruộng nông nghiệp, về công sức: Chấp nhận sự tự nguyện của đương sự, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn C khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng N có đăng ký thường trú tại thôn T, xã L, tỉnh Hưng Yên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “*tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C đã có đơn xin xét xử vắng mặt, chị N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh C, chị N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh C và chị N kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/2014 tại UBND xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên (Nay là UBND xã L, tỉnh Hưng Yên). Sau khi kết hôn, chị N về ngay gia đình nhà anh C làm ăn chung sống. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, yêu thương nhau. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, chị N đi làm về không quan tâm đến chồng con, anh C có khuyên bảo nhiều lần chị N không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng từ năm 2019, đến tháng 01 năm 2022 chị N về gia đình nhà bố mẹ đẻ chị ở, anh C có gọi chị N về nhiều lần nhưng chị N không về, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Anh C xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N không còn. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc anh C đề nghị ly hôn, chị N cũng không đến Tòa án để thể hiện quan điểm giải quyết vụ án. Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của anh C và chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng xin được ly hôn của anh C

là phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, cần xử cho anh C được ly hôn chị N là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị Hồng N1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 22/5/2015 và cháu Nguyễn Quang A, sinh ngày 28/4/2017. Hiện nay cả hai cháu đang sinh sống cùng anh C tại thôn T, xã L, tỉnh Hưng Yên, anh C có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu cả hai cháu. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2026 cả hai cháu L và Quang A đều có nguyện vọng được ở với bố là anh C. Xét nguyện vọng nuôi con chung của anh C là chính đáng, anh C có công việc và thu nhập ổn định. Ngoài ra hai cháu đang được anh C và gia đình chăm sóc chu đáo và học tại Trường tiểu học C1. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 22/5/2015 và cháu Nguyễn Quang A, sinh ngày 28/4/2017 cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đến tuổi thành niên là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị N1 có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

Ghi nhận việc anh C không yêu cầu chị N1 phải cấp dưỡng nuôi con cho anh.

[2.3] Về tài sản, về nợ, về ruộng nông nghiệp, về công sức: Anh C không đề nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 51; Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 22/5/2015 và cháu Nguyễn Quang A, sinh ngày 28/4/2017 cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của anh C không

yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, về nợ, về ruộng nông nghiệp, về công sức: Không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp theo biên lai số 0004342 ngày 25/12/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Hưng Yên, anh C đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 4;
- THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Lạc Đạo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh